**NỘI DUNG KIẾN THỨC TUẦN** **13**

**TIẾT 49**

**BÀI TOÁN DÂN SỐ**

**PHẦN 1:**

- Học sinh đọc văn bản, chú thích trong SGK trang 130, 131

- Học sinh soạn câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK trang 131, 132 vào vở bài soạn

**PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

Tiết 49: Văn bản **BÀI TOÁN DÂN SỐ**

(*Theo* Thái An)

1. **Đọc – Hiểu chú thích**

(SGK/ 131)

1. **Đọc – Hiểu văn bản**
2. **Nêu vấn đề: Dân số và kế hoạch hóa gia đình**

* Thời cổ đại: Không tin
* Ngày nay: “sáng mắt ra”

(hấp dẫn, tự nhiên, cách lập luận tương phản, bất ngờ lôi cuốn sự chú ý của người đọc)

* **Hạn chế sự gia tăng dân số là điều tất yếu.**

1. **Làm rõ vấn đề: Dân số và kế hoạch hóa gia đình**

* Từ góc nhìn bài toán cổ*:*

+ Khởi điểm: 1 hạt thóc

+ Số thóc tăng theo cấp số nhân **→** phủ khắp bề mặt trái đất.

* Từ câu chuyện trong kinh thánh:

+ Khởi đầu: 2 người (ô số 2)

+ Năm 1995: 5,63 tỉ người (vượt ô thứ 33)

* Trong thực tế sinh sản của con người:

+ Năm 2015: Hơn 7 tỉ người (sangô thứ 34 của bàn cờ)

(ví dụ cụ thể, lập luận chặt chẽ, thuyết phục)

* **Câu chuyện kén rể là tiền đề để so sánh với sự bùng nổ dân số tăng theo cấp số nhân, công bội là 2, một con số khủng khiếp.**

1. **Lời kêu gọi: Lời giải cho bài toán dân số**

* Hạn chế sự gia tăng dân số
* Tuyên truyền cho mọi người hiểu về tác hại của sự gia tăng dân số
* **Vấn đề “tồn tại hay không tồn tại” của chính loài người.**

1. **Tổng kết**

Ghi nhớ (SGK trang 132)

1. **Luyện tập**

**PHẦN 3:**

Khuyến khích học sinh viết đoạn văn nêu suy nghĩ về tác hại của sự gia tăng dân số.

**TIẾT 50**

**DẤU NGOẶC ĐƠN VÀ DẤU HAI CHẤM**

**PHẦN 1:**

Học sinh đọc kiến thức, xem các câu hỏi tìm hiểu SGK trang 134, 135

**PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

Tiết 50: **DẤU NGOẶC ĐƠN VÀ DẤU HAI CHẤM**

1. **Tìm hiểu bài**
2. **Dấu ngoặc đơn**

* Ví dụ: SGK trang 134

1. Đùng một cái, họ (những người bản xứ)… 🡪 Đánh dấu phần chú thích (giải thích)
2. Gọi là kênh Ba Khía… (ba khía… ăn rất ngon) 🡪 Đánh dấu phần chú thích (thuyết minh)
3. Lí Bạch (701 – 762)… 🡪 Đánh dấu phần chú thích (bổ sung thêm)
4. **Dấu hai chấm**

* Ví dụ: SGK trang 135

1. … Tôi phải bảo: 🡪 Đánh dấu lời đối thoại (dùng với dấu gạch ngang)

* Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.

1. … Người xưa có câu: “Trúc… vẫn thẳng”. 🡪 Đánh dấu lời dẫn trực tiếp (dùng với dấu ngoặc kép)
2. … Cảnh vật… thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học. 🡪 Đánh dấu phần giải thích
3. **Bài học**

Ghi nhớ 1, 2 (SGK trang 134, 135)

1. **Luyện tập**

Khuyến khích học sinh làm bài 1, 2, 3, 4, 5, 6 SGK trang 135, 136, 137

**PHẦN 3:**

Khuyến khích học sinh hoàn tất phần Luyện tập SGK trang 135, 136, 137

**TIẾT 51**

**LUYỆN TẬP (CÓ THỂ KTTX)**

**TIẾT 52**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**PHẦN 1:**

Học sinh đọc kiến thức, xem các câu hỏi tìm hiểu SGK trang 90, 91, 92

**PHẦN 2:**

**Học sinh ghi bài vào tập Bài học:**

Tiết 52: **CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (PHẦN TIẾNG VIỆT)**

**Bài tập 1 (SGK/ 90, 91)** Từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương em có nghĩa tương đương với các từ ngữ toàn dân

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | **Từ ngữ toàn dân** | **Từ ngữ được dùng ở địa phương em** |
| 1 | cha | ba |
| 2 | mẹ | má |
| … | … | … |

**Bài tập 2 (SGK/ 92)** Sưu tầm một số từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương khác

|  |  |
| --- | --- |
| **Bắc Bộ** | **Trung Bộ** |
| bố | bọ |
| u, bu | mạ, mệ |
| … | … |
|  |  |

**Bài tập 3 (SGK/ 92)** Sưu tầm một số thơ ca có sử dụng từ ngữ chỉ người có quan hệ ruột thịt, thân thích được dùng ở địa phương em

**- Bầm** ơi có rét không **bầm**?

Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn…

(Tố Hữu)

**PHẦN 3:**

Khuyến khích học sinh hoàn tất phần Luyện tập SGK trang 90, 91, 92

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_HẾT\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**